DANH MỤC
CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG SỐ 09-KH/TU NGÀY 31/7/2025 CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW, NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ

TT	Chỉ tiêu trong Kết hoạch 09-KH/TU	Đề xuất điều chỉnh	Căn cứ điều chỉnh
1	**Đến năm 2030**		
-	*Phát triển hạ tầng*		
	97% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
-	*Phát triển nguồn lực*		
	Có ≥ 1,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.	Chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối thiểu 2% và chi cho chuyển đổi số tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước từ nguồn tổng chi tối thiểu 3% ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	- Điều 61, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15. - Điều 20, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15
	≥ 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm,	100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Thực tiễn về phát triển chuyển đổi số.

	giao thông, các nền tảng số hóa, tương tác đa chiều và tuyên truyền vận động xã hội.		
-	*Phát triển khoa học, công nghệ*		
-	*Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*		
	Mỗi năm có ≥ 300 sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Mỗi năm có ≥ 300 sáng kiến trong khu vực công được công nhận	Số liệu năm 2026 đã công nhận trên 300 sáng kiến
-	*Phát triển chuyển đổi số*		
	Có ≥ 70% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	100% hệ thống thông tin của tỉnh vận hành trên nền tảng điện toán đám mây.	- Văn bản số 5199/BKHCN-CĐSQG ngày 30/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0).
	Có ≥ 80% cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông tới Trung ương.	100% cơ sở dữ liệu dùng chung ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045

	Có ≥ 85% dữ liệu của các sở, ban, ngành được tích hợp với nền tảng chia sẻ LGSP	100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
	- Có ≥ 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Tốc độ phát triển của Chuyển đổi số. Quy định sử dụng hoá đơn điện tử và chữ ký số.
	Có ≥ 85% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng điều thành có chữ ký số đạt 10%.	100% người dân có tài khoản định danh diện tử, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
	Có ≥ 90% đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	100% ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
2	**Đến năm 2035**		
-	*Phát triển hạ tầng*		

	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%,	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 70%	Dự kiến tốc độ phát triển của Công nghệ, thiết bị.
-	*Phát triển nguồn lực*		
	Có ≥ 2% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.	Chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tối thiểu 2% và chi cho chuyển đổi số tối thiểu 1% tổng chi ngân sách nhà nước từ nguồn tổng chi tối thiểu 3% ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	- Điều 61, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15. - Điều 20, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15
	≥ 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Thực tiễn về phát triển chuyển đổi số.
-	*Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*		
	Mỗi năm có ≥ 150 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Mỗi năm có ≥ 350 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Tăng dần theo các năm
-	*Phát triển chuyển đổi số*		
	- Có ≥ 85% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Tốc độ phát triển của Chuyển đổi số. Quy định sử dụng hoá đơn điện tử và chữ ký số.
	Có ≥ 95% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng điều thành có chữ ký số đạt 20%.	100% người dân có tài khoản định danh diện tử, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 90%.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số

			giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
3	**Đến năm 2040**		
-	*Phát triển hạ tầng*		
	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%,	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%	Dự kiến tốc độ phát triển của Công nghệ, thiết bị
-	*Phát triển nguồn lực*		
	Có ≥ 2,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đạt 3% GRDP.	Có ≥ 2,5% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ≥ 3,5% GRDP.	- Điều 61, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15. - Điều 20, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15
	≥ 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
	80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	100% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số

			giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
-	*Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*		
	Mỗi năm có ≥ 250 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Mỗi năm có ≥ 400 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Tăng dần theo các năm
-	*Phát triển chuyển đổi số*		
	- Có ≥ 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Tốc độ phát triển của Chuyển đổi số. Quy định sử dụng hoá đơn điện tử và chữ ký số.
	Có ≥ 95% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng điều thành có chữ ký số đạt 20%.	100% người dân có tài khoản định danh diện tử, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 100%.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
4	**Đến năm 2045**		
-	*Phát triển nguồn lực*		
	Có ≥ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Có ≥ 3% tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ≥ 4% GRDP.	- Điều 61, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

	đạt 3% GRDP.		- Điều 20, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15
	99% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
	Có ≥ 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	100% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045
-	*Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo*		
	Mỗi năm có ≥ 350 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Mỗi năm có ≥ 500 sáng kiến trong khu vực công được công nhận.	Tăng dần theo các năm
-	*Phát triển chuyển đổi số*		
	- Có ≥ 95% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.	Tốc độ phát triển của Chuyển đổi số. Quy định sử dụng hoá đơn điện tử và chữ ký số.

	Có 100% người dân đủ điều kiện có tài khoản định danh điện tử, tỷ lệ người dân trưởng điều thành có chữ ký số đạt 40%.	100% người dân có tài khoản định danh diện tử, tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt 100%.	Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045